

 **VinaSecurities**

**Báo cáo tài chính**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**

**Quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

 **VinaSecurities**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

**Nội dung**

	<b>Trang</b>
Bảng cân đối kế toán	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2012**

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>32,734,412,885</b>	<b>49,944,533,316</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	28,236,761,370	9,314,967,757
Tiền	111		28,236,761,370	7,314,967,757
Các khoản tương đương tiền	112		-	2,000,000,000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		2,840,513,692	39,333,754,040
Phải thu của khách hàng	131	7	2,727,270,418	39,889,635,154
Trả trước cho người bán	132		28,996,480	28,996,480
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	8	-	104,953,452
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	-
Các khoản phải thu khác	138	9	800,433,488	26,355,648
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(716,186,694)	(716,186,694)
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1,657,137,823	1,295,811,519
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	964,847,421	337,681,091
Thuế GTGT được khấu trừ	152		665,990,402	892,605,428
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		26,300,000	65,525,000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7,687,608,693</b>	<b>8,572,001,368</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		5,583,963,238	7,260,496,646
Tài sản cố định hữu hình	221	12	918,115,496	1,803,579,104
Nguyên giá	222		10,352,935,248	10,316,583,248
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9,434,819,752)	(8,513,004,144)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	4,490,527,742	5,281,597,542
Nguyên giá	228		6,882,938,438	6,882,938,438
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,392,410,696)	(1,601,340,896)

Thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2012**

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230	14	175,320,000	175,320,000
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		-	-
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,103,645,455</b>	<b>1,311,504,722</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	8,750,000	16,649,187
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	16	460,085,455	460,085,455
Tài sản dài hạn khác	268	17	1,634,810,000	834,770,080
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>250</b>		<b>40,422,021,578</b>	<b>58,516,534,684</b>

Thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4,746,518,478</b>	<b>27,995,135,681</b>
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<b>310</b>		<b>4,485,068,478</b>	<b>27,726,685,681</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312		311,365,325	15,886,441,761
Người mua trả tiền trước	313		240,590	337,232,000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	511,001,626	5,758,145,349
Phải trả người lao động	315		-	2,588,241,543
Chi phí phải trả	316	19	1,176,972,142	1,344,460,293
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		1,807,289,920	1,058,783,965
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		719,890	719,890
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	677,478,985	752,660,880
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
<i>Nợ dài hạn</i>	<b>330</b>		<b>261,450,000</b>	<b>268,450,000</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc	336		261,450,000	268,450,000
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà DT	359		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>35,675,503,100</b>	<b>30,521,399,003</b>
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<b>410</b>		<b>35,675,503,100</b>	<b>30,521,399,003</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21,22	185,000,000,000	185,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Có phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	254,998,000	254,998,000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	(149,579,494,900)	(154,733,598,997)
<b>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>323</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>40,422,021,578</b>	<b>58,516,534,684</b>

Thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2012

Tài khoản ngoài bảng				
Chi tiêu	Mã số	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND	
<b>1. Tài sản cố định thuê ngoài</b>	<b>001</b>	-	-	
<b>2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ</b>	<b>002</b>	-	-	
<b>3. Tài sản nhận ký cược</b>	<b>003</b>	-	-	
<b>4. Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>004</b>	-	-	
<b>5. Ngoại tệ các loại</b>	<b>005</b>	-	-	
- Đồng đô la Mỹ		348,199.21	196,338	
- Đồng Bảng Anh		22,238	5,177	
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>28,720,750,000</b>	<b>44,160,120,000</b>	
<b>6.1. Chứng khoán giao dịch</b>	<b>007</b>	<b>28,548,850,000</b>	<b>43,951,970,000</b>	
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-	
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	16,561,350,000	30,424,470,000	
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	-	
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	11,987,500,000	13,527,500,000	
<b>6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>012</b>	-	-	
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-	
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	-	-	
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	-	-	
6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-	
<b>6.3. Chứng khoán cầm cố</b>	<b>017</b>	-	-	
6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-	
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	-	
6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-	
6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-	
<b>6.4. Chứng khoán tạm giữ</b>	<b>022</b>	-	-	
6.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023	-	-	
6.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	-	-	
6.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025	-	-	
6.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026	-	-	
<b>6.5. Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>027</b>	<b>171,900,000</b>	<b>105,000,000</b>	
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-	
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	171,900,000	105,000,000	
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	-	
6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-	
<b>6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút</b>	<b>032</b>	-	-	
6.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033	-	-	
6.6.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	-	-	
6.6.3. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035	-	-	
6.6.4. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	036	-	-	
<b>6.7. Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>037</b>	-	<b>103,150,000</b>	
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-	

Thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2012**

Chi tiêu	Mã số	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	-	-
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	-
6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041	-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.8.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043	-	-
6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	-	-
6.8.3. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045	-	-
6.8.4. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	-	-
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	-	-
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	-	-
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	-	-
7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055	-	-
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	-	-
7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	-	-
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	-	-
7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059	-	-
7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060	-	-
7.3. Chứng khoán cầm cố	061	-	-
7.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062	-	-
7.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063	-	-
7.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064	-	-
7.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065	-	-
7.4. Chứng khoán tạm giữ	066	-	-
7.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067	-	-
7.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068	-	-
7.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069	-	-
7.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070	-	-
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	-
7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072	-	-
7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	-	-
7.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074	-	-
7.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	075	-	-
7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076	-	-
7.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077	-	-
7.6.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078	-	-
7.6.3. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079	-	-

Thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2012**

Chi tiêu	Mã số	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
7.6.4. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	080	-	-
7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081	-	-
<b>8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng</b>	<b>082</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>	<b>083</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá</b>	<b>084</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Ngày 10/10/2012

Người lập:

Người duyệt:

Dương Hữu Chính  
 Phụ trách kế toán



Thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

Mã số	Thuyết minh	Quý III/2012 VND	Quý III/2012 VND	Quý III/2012 (Lấy kế) VND	Quý III/2011 (Lấy kế) VND
<b>01</b>	<b>23</b>	<b>1,096,571,457</b>	<b>20,684,906,054</b>	<b>31,415,796,799</b>	<b>24,557,440,334</b>
<b>Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>					
01.1		398,611,265	654,209,319	1,932,799,147	1,595,437,685
01.2		-	38,000	-	39,326,000
01.3		-	-	-	-
01.4		-	-	-	-
01.5		550,087,821	19,449,293,832	28,321,193,454	19,587,076,832
01.6		-	-	-	-
01.7		-	-	-	-
01.8		-	-	-	-
01.9		147,872,371	581,364,903	1,161,804,198	3,335,599,817
<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>					
<b>10</b>		<b>1,096,571,457</b>	<b>20,684,906,054</b>	<b>31,415,796,799</b>	<b>24,557,440,334</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>					
<b>11</b>	<b>24</b>	<b>(3,800,826,885)</b>	<b>(9,775,092,478)</b>	<b>(17,789,793,711)</b>	<b>(31,166,825,753)</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>					
<b>20</b>		<b>(2,704,255,428)</b>	<b>10,909,813,576</b>	<b>13,626,003,088</b>	<b>(6,609,386,419)</b>
<b>Lợi nhuận (lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh</b>					
<b>25</b>	<b>25</b>	<b>(2,081,955,703)</b>	<b>(3,288,266,426)</b>	<b>(8,551,622,664)</b>	<b>(11,148,519,962)</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>					
<b>30</b>		<b>(4,723,211,131)</b>	<b>7,621,547,150</b>	<b>5,074,380,424</b>	<b>(17,757,905,381)</b>
<b>Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>					
31	26	-	90,001,130	79,724,707	90,010,071
32	27	(18)	(117,105,280)	(1,034)	(121,693,328)
<b>50</b>		<b>(4,723,211,149)</b>	<b>7,594,443,000</b>	<b>5,154,104,097</b>	<b>(17,789,588,638)</b>
<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>					
<b>51</b>	<b>28</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>					
<b>52</b>	<b>28</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>					
<b>60</b>		<b>(4,723,211,149)</b>	<b>7,594,443,000</b>	<b>5,154,104,097</b>	<b>(17,789,588,638)</b>
<b>Lợi nhuận (lỗ) sau thuế</b>					

Người lập:

*Dương Hữu Chính*

Dương Hữu Chính  
 Phụ trách kế toán

Người duyệt:  
  
 Giám đốc

Thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến 30/9/2012 (VND)	Lũy kế đến 30/9/2011 (VND)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>5,154,104,097</b>	<b>(17,789,588,638)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	Khấu hao và phân bổ	1,712,885,408	1,703,424,217
03	Các khoản dự phòng	-	(2,349,248,805)
04	Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
05	Lãi (lỗ) từ thanh lý TSCD	-	117,103,530
06	Chi phí lãi vay	-	-
	Thu nhập lãi tiền gửi	(1,052,752,840)	(3,070,807,959)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>5,814,236,665</b>	<b>(21,389,117,635)</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu và đầu tư chứng khoán	35,951,262,676	(16,094,199,349)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	-	-
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ khác	(23,248,617,203)	(8,796,821,876)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(619,267,143)	1,159,875,307
13	Tiền lãi vay đã trả	-	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	-
<b>20</b>	<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh</b>	<b>17,897,614,995</b>	<b>(45,120,263,553)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(36,352,000)	(575,118,393)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	-	99,000,000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	-	-
24	Tiền thu nợ vay, bán lại các công cụ nợ	-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
26	Tiền thu hồi khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	Thu nhập lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	1,060,530,618	3,675,060,717
<b>30</b>	<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động đầu tư</b>	<b>1,024,178,618</b>	<b>3,198,924,324</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	-	-
32	Chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu quỹ	-	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	-	-
34	Tiền chi trả nợ vay gốc	-	-

Thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến 30/9/2012 (VND)	Lũy kế đến 30/9/2011 (VND)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
Có tức, lợi nhuận đã trả	36		-	-
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		18,921,793,613	(41,921,321,229)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9,314,967,757	55,203,032,915
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>28,236,761,370</b>	<b>13,281,711,686</b>

Ngày 10/10/2012

Người lập:



Dương Hữu Chính  
Phụ trách kế toán

Người duyệt:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINAS  
Lâm Thị Ngọc  
Độc lập năm độc

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

Khoản mục	Thuyết minh	Số dư đầu quý		Tăng/giảm		Số dư cuối quý	
		30/6/2011 VND	30/6/2012 VND	Quý III/2011 Tăng VND	Quý III/2012 Giảm VND	30/9/2011 VND	30/9/2012 VND
Vốn cổ phần	21	185,000,000,000	185,000,000,000	-	-	-	185,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	21	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng	21	254,998,000	254,998,000	-	-	-	254,998,000
Lũy kế	21	(151,802,227,884)	(144,856,243,751)	7,594,443,000	(4,723,211,149)	(144,207,784,884)	(149,579,494,900)
<b>Total</b>		<b>33,452,776,116</b>	<b>46,398,744,249</b>	<b>7,594,443,000</b>	<b>(4,723,211,149)</b>	<b>-</b>	<b>35,675,503,100</b>

Ngày 10/10/2012

Người lập:



Dương Hữu Chính  
Phụ trách kế toán

Người duyệt:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINAS  
Lâm Thị Ngọc  
Độc lập năm độc

Thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

**1 Đặc điểm hoạt động của Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam vào năm 2006 dưới hình thức công ty cổ phần với 5 cổ đông sáng lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 50/UBCK – GPHNKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006.

Hiện nay, hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính
- Lưu ký chứng khoán

Công ty có trụ sở chính đã từng đặt tại tầng 5, Tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và dời sang 120 Pasteur, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh theo sự phê duyệt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam vào ngày 25 tháng 7 năm 2012. Công ty có một Văn phòng đại diện đặt tại tầng 5, 13 Hai Bà Trưng, Phường Trảng Tiến, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội đã được chấp thuận bởi Ủy ban Chứng khoán Việt Nam theo quyết định số 457/QĐ-UBCK ký ngày 22 tháng 6 năm 2011.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, Công ty có 24 nhân viên.

**2 Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ**

**Niên độ kế toán**  
Năm tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12.

**Đơn vị tiền tệ và chuyển đổi ngoại tệ**  
Báo cáo tài chính giữa kỳ của Công ty được lập sử dụng tiền Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với đồng tiền báo cáo được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí liên quan đến các nghiệp vụ ngoại tệ được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

**3 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

**Cơ sở lập các báo cáo tài chính**  
Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp chứng khoán theo quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC, thông tư 162/2010/TT-BTC và các qui định pháp lý liên quan của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các quy định này trên một số khía cạnh trọng yếu có thể khác với Chuẩn mực Kế toán Quốc tế và các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được chấp nhận rộng rãi tại quốc gia của người đọc. Do đó, các báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam, hơn nữa, đối tượng sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

nhằm vào những người không được thông tin về các nguyên tắc, quy trình và tập quán kế toán của Việt Nam.

**Hệ thống kế toán và hình thức ghi sổ kế toán**

Công ty sử dụng phương pháp nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**4 Các chính sách kế toán cơ bản**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền gồm tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền tại quỹ, cùng như các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao như tiền gửi các tổ chức tín dụng trên thị trường tiền tệ, tiền gửi ngân hàng trong vòng 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị trên hoá đơn trừ đi dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu được dự tính là không thể thu hồi được toàn bộ.

**Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc (giá mua thực tế).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho mỗi loại chứng khoán cụ thể trong danh mục đầu tư và cho các chứng khoán giảm giá so với giá trị ghi sổ. Dự phòng về lỗ đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được lập khi các tổ chức này chịu lỗ (ngoại trừ các khoản lỗ như kế hoạch đã được dự báo trong ngân sách hoạt động của công ty trước khi đầu tư) ở tỷ lệ tương đương với tỷ lệ vốn góp của Công ty vào các tổ chức này. Khi một khoản đầu tư được thanh lý chênh lệch giữa giá trị đầu tư ròng và giá trị ghi sổ được ghi nhận thu nhập hoặc chi phí trong năm.

**Hợp đồng ủy thác đầu giá**

Các tài sản của các cá nhân, tổ chức là nhà đầu tư ủy thác đầu giá theo các hợp đồng ủy thác đầu giá được ghi nhận và trình bày là tài sản của người ủy thác đầu giá trên Bảng cân đối kế toán. Tiền ủy thác nhận được từ các nhà đầu tư này được ghi nhận là các khoản phải trả cho người ủy thác đầu giá trên Bảng cân đối kế toán.

**Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán**

Chứng khoán được mua với cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai ("Hợp đồng repo") được ghi nhận là khoản phải thu theo Hợp đồng mua và bán lại chứng khoán trên Bảng cân đối kế toán, chứng khoán nhận được sẽ được quản lý trên tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán. Khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại sẽ được ghi nhận như một khoản doanh thu và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian có hiệu lực của hợp đồng, theo tỷ lệ lãi suất hiệu lực của hợp đồng.

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo tỷ lệ hàng năm như sau:

Cải tạo nâng cấp văn phòng	1 – 5 năm
Thiết bị, nội thất	1 – 3 năm
Thiết bị văn phòng	1 – 3 năm
Phương tiện vận tải	7 năm

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

**Tài sản cố định vô hình**

*Phần mềm máy tính*

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp tuyến tính từ 1 năm đến 3 năm. Phần mềm máy tính bao gồm tất cả chi phí liên quan tới việc mua phần mềm tính đến ngày đưa vào sử dụng.

**Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí cài đặt cho hệ thống website. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc cài đặt đã hoàn thành, các chi phí liên quan đã được chuyển thành tài sản cố định vô hình và tài sản dở dang đưa vào sử dụng.

**Chi phí vay**

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**Chi phí trả trước dài hạn**

*Tài sản có giá trị thấp*

Tài sản có giá trị thấp là những tài sản có giá trị ít hơn 10 triệu đồng và có thời gian hữu dụng dài hơn một niên độ kế toán. Những tài sản này không thỏa mãn các điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của những tài sản có giá trị thấp được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng của tài sản.

**Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho khoản phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

*Phúc lợi sau thời gian làm việc*

Các phúc lợi sau thời gian làm việc được chi trả cho các nhân viên của Công ty đã nghỉ hưu bởi Cơ quan Bảo hiểm xã hội trực thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Công ty được yêu cầu đóng góp cho các phúc lợi sau thời gian làm việc bằng cách đóng phí bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tại mức 16% của lương căn bản của nhân viên. Công ty không chịu các nghĩa vụ nào khác đối với các phúc lợi sau thời gian làm việc của nhân viên.

*Bảo hiểm thất nghiệp*

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ chi trả tiền bảo hiểm thất nghiệp bằng 1% quỹ lương của công ty và số tiền này được sử dụng để thanh toán bảo hiểm thất nghiệp cho người tham gia bảo hiểm và công ty sẽ trừ đi 1% tiền lương của mỗi nhân viên để đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

**Doanh thu**

*Doanh thu từ cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ tại ngày bằng căn cứ kế toán và hóa đơn phát hành cho khách hàng, trong trường hợp mà phần lớn rủi ro và quyền lợi đã chuyển cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi khả năng thu tiền, ước tính hợp lý các chi phí của việc bán hàng hay khả năng hàng bán bị trả lại là không chắc chắn.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán, tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được thông báo trả cổ tức.

**Các quỹ dự phòng**

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự phòng theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bất buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Trong kỳ, Công ty không trích lập thêm quỹ dự trữ.

**Chi phí thuế hoạt động (Các hợp đồng thuế)**

Thuế hoạt động là việc thuế tài sản trong đó tất cả các quyền lợi và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Dự phòng**

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra mà chắc chắn dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính đáng tin cậy.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài sản thuế và nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các tài sản hoặc nghĩa vụ thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên Bảng cân đối kế toán với các số tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Đồng thời, khoản lỗ thuế có thể dùng để chuyển lỗ và thu nhập khác về thuế của Công ty cũng được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để để căn cứ vào các tài sản thuế thu nhập hoãn lại này.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính tại mức thuế được áp dụng từng kỳ tính thuế theo như quy định tại ngày kết thúc năm tài chính. Toàn bộ thay đổi về tài sản hoặc nợ thuế thu



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những thay đổi về tài sản hoặc nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do thay đổi về giá trị của tài sản hoặc nợ được ghi nhận trực tiếp vào nguồn vốn thì được ghi nhận trực tiếp bên nguồn vốn.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan khi một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan khi cùng dưới một quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng.

**5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	50,344,097	22,659,738
Tiền gửi ngân hàng	28,186,417,273	7,292,308,019
Tiền gửi ngân hàng	26,187,683,910	6,038,555,128
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	479,613,488	462,136,472
Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1,519,119,875	791,616,419
Các khoản tương đương tiền	-	2,000,000,000
Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng dưới 3 tháng	-	2,000,000,000
	<b>28,236,761,370</b>	<b>9,314,967,757</b>

**6 Đầu tư ngắn hạn**

	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>		
Chứng khoán chưa niêm yết (OTC)	-	-
Chứng khoán niêm yết	-	-
<b>Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn</b>		
Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
	-	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
Số dư đầu năm	-	2,350,996,209
Số hoàn nhập trong kỳ	-	(2,350,996,209)
Số trích lập trong kỳ	-	-
	-	-

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ:

	Quý III/2012 VND	Quý III/2011 VND
Của công ty chứng khoán	-	536,446,000
Cổ phiếu	-	536,446,000
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	-	-
Của nhà đầu tư	196,022,989,000	321,389,065,000
Cổ phiếu	91,606,809,000	321,389,065,000
Trái phiếu	104,269,000,000	-
Chứng khoán khác	147,180,000	-
	<b>196,022,989,000</b>	<b>321,925,511,000</b>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Tình hình đầu tư tài chính

	Số lượng		Giá trị		Số vốn góp (đồng)				Tổng giá trị (đồng)		Giá trị
	30/9/2012	31/12/2011	30/9/2012	31/12/2011	Tăng	Giảm	30/9/2012	31/12/2011	30/9/2012	31/12/2011	
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	VND	VND					VND	VND	
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>											
Cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tiền gửi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chứng khoán khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>											
I. Chứng khoán chi sáng để bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tiền gửi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chứng khoán khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

<b>7 Khoản phải thu</b>	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Phải thu</b>		
Phải thu nhà đầu tư	216,086,918	223,906,987
Phải thu từ khách hàng khác	2,511,183,500	39,665,728,167
	<b>2,727,270,418</b>	<b>39,889,635,154</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(716,186,694)	(716,186,694)
	<b>2,011,083,724</b>	<b>39,173,448,460</b>
<b>8 Khoản phải thu nội bộ ngắn hạn</b>	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
VinaCapital Corporate Finance Vietnam Co Ltd	-	104,953,452
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	104,953,452
	-	104,953,452
<b>9 Phải thu khác</b>	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu khác	800,433,488	26,355,648
	<b>800,433,488</b>	<b>26,355,648</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
	<b>800,433,488</b>	<b>26,355,648</b>
<b>10 Dự phòng phải thu khó đòi</b>	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
Số dư đầu năm	716,186,694	394,035,694
Số sử dụng trong kỳ	-	-
Số trích lập trong kỳ	-	322,151,000
	<b>716,186,694</b>	<b>716,186,694</b>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

11 Chi phí trả trước ngắn hạn	30/9/2012		31/12/2011		Tổng cộng
	VND		VND		
Số dư đầu năm			337,681,091	1,454,147,138	
Mua mới			7,106,451,551	8,691,650,366	
Khấu hao trong kỳ			(6,479,285,221)	(9,808,116,413)	
Số dư cuối kỳ			964,847,421	337,681,091	

  

12 Tài sản cố định hữu hình	Cải tạo nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị, văn phòng VND	Thiết bị nội thất VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1,871,798,450	6,390,088,757	906,887,747	1,147,808,294	10,316,583,248
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Mua mới	-	36,352,000	-	-	36,352,000
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,871,798,450	6,426,440,757	906,887,747	1,147,808,294	10,352,935,248
Đã khấu hao hết					7,332,506,794
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	1,646,735,034	5,399,008,102	816,784,018	650,476,990	8,513,004,144
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	225,063,416	483,669,001	90,103,729	122,979,462	921,815,608
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,871,798,450	5,882,677,103	906,887,747	773,456,452	9,434,819,752
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	225,063,416	991,080,655	90,103,729	497,331,304	1,803,579,104
Số dư cuối kỳ	-	543,763,654	-	374,351,842	918,115,496

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 đồng.

Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

13 Tài sản vô hình	Phần mềm máy tính		Tài sản vô hình khác		Tổng cộng VND
	VND		VND		
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6,287,247,065	595,691,373			6,882,938,438
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Mua mới	-	-	-	-	-
Chuyển từ CIP	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6,287,247,065	595,691,373			6,882,938,438
Đã khấu hao hết					657,832,122
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	1,017,553,274	583,787,622			1,601,340,896
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	779,166,049	11,903,751			791,069,800
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,796,719,323	595,691,373			2,392,410,696
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	5,269,693,791	11,903,751			5,281,597,542
Số dư cuối kỳ	4,490,527,742	-			4,490,527,742

  

14 Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	30/9/2012		31/12/2011	
	VND		VND	
Số dư đầu năm		175,320,000		3,880,561,299
Tăng trong kỳ		-		362,983,836
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình		-		-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình		-		(4,068,225,135)
Số dư cuối kỳ		175,320,000		175,320,000

  

15 Chi phí trả trước dài hạn	30/9/2012		31/12/2011	
	VND		VND	
Số dư đầu năm		16,649,187		328,650,853
Mua mới		-		447,804,377
Khấu hao trong kỳ		(7,899,187)		(759,806,043)
Số dư cuối kỳ		8,750,000		16,649,187

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

16	Tiền nộp Quý hộ trợ thanh toán	30/9/2012	31/12/2011
		VND	VND
	Tiền nộp ban đầu	460,085,455	377,571,442
	Tiền nộp bổ sung	-	82,514,013
	Tiền lãi phân bổ trong kỳ	-	-
		<b>460,085,455</b>	<b>460,085,455</b>
17	Tài sản dài hạn khác	30/9/2012	31/12/2011
		VND	VND
	Tiền đặt cọc thuê văn phòng	1,629,810,000	824,770,080
	Ký quỹ dài hạn khác	5,000,000	10,000,000
		<b>1,634,810,000</b>	<b>834,770,080</b>
18	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/9/2012	31/12/2011
		VND	VND
	Thuế giá trị gia tăng	13,600,366	-
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
	Thuế xuất nhập khẩu	-	-
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
	Thuế thu nhập cá nhân	257,294,914	5,726,249,606
	Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-
	Các loại thuế khác	240,106,346	31,895,743
	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
		<b>511,001,626</b>	<b>5,758,145,349</b>
19	Chi phí phải trả	30/9/2012	31/12/2011
		VND	VND
	Chi phí lãi vay phải trả	-	-
	Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp phải trả	137,100,000	251,081,450
	Chi phí ngày phép chưa dùng hết của nhân viên	27,490,574	432,379,621
	Chi phí phải trả khác	1,012,381,568	660,999,222
		<b>1,176,972,142</b>	<b>1,344,460,293</b>

23

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

20	Phải trả, phải nộp khác	30/9/2012	31/12/2011		
		VND	VND		
	Bảo hiểm xã hội	56,170,505	105,143,500		
	Bảo hiểm y tế	13,461,525	26,735,625		
	Bảo hiểm thất nghiệp	5,562,900	9,558,500		
	Kinh phí công đoàn	601,131,667	539,070,867		
	Phải trả khác	1,152,388	72,152,388		
		<b>677,478,985</b>	<b>752,660,880</b>		
21	Vốn chủ sở hữu	Quý dự trữ pháp định và dự phòng tài chính VND		Tổng cộng VND	
		Vốn góp cổ phần VND	Lãi lũy kế VND		
	Số dư đầu kỳ của năm trước	185,000,000,000	(126,418,196,246)	254,998,000	58,836,801,754
	Lỗ trong năm trước	-	(28,315,402,751)	-	(28,315,402,751)
	Số dư cuối kỳ của năm trước	185,000,000,000	(154,733,598,997)	254,998,000	30,521,399,003
	Lãi trong kỳ	-	5,154,104,097	-	5,154,104,097
	Số dư cuối kỳ	185,000,000,000	(149,579,494,900)	254,998,000	35,675,503,100
22	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ của Công ty là 185 tỷ đồng chia thành 18,5 triệu cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phiếu đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Quyết định số 360/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010.			
	Chi tiết cổ phiếu phát hành được trình bày như sau:	30 tháng 9 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
		Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu VND	
	<b>Phê chuẩn:</b>				
	Cổ phiếu thường	18,500,000	185,000,000,000	18,500,000	185,000,000,000
		<b>18,500,000</b>	<b>185,000,000,000</b>	18,500,000	185,000,000,000
	<b>Đã phát hành và thanh toán:</b>				
	Ngày 1 tháng 1	18,500,000	185,000,000,000	18,500,000	185,000,000,000
	Phát hành cổ phiếu mới	-	-	-	-
	Số dư cuối kỳ	<b>18,500,000</b>	<b>185,000,000,000</b>	18,500,000	185,000,000,000

24

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

Danh sách các cổ đông tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 chi tiết như sau:

	30 tháng 9 năm 2012			31 tháng 12 năm 2011		
	Số lượng Cổ phiếu	Vốn pháp định Số tiền VND'000	%	Số lượng Cổ phiếu	Vốn pháp định Số tiền VND'000	%
VinaCapital Group Limited	-	-	-	9,065,000	90,650,000,000	49.00
Ông Trần Lê Nguyễn	-	-	-	3,700,000	37,000,000,000	20.00
Bà Hồ Thị Mỹ Diễm	-	-	-	5,735,000	57,350,000,000	31.00
Chu Đăng Ngọc Trinh	9,435,000	94,350,000,000	51.00	-	-	-
Allied Pacific Capital Limited	1,813,000	18,130,000,000	9.80	-	-	-
VN Securities Limited	1,813,000	18,130,000,000	9.80	-	-	-
VinaSecurities Limited	1,813,000	18,130,000,000	9.80	-	-	-
VNS Capital Limited	1,813,000	18,130,000,000	9.80	-	-	-
Saigon Capital Limited	1,813,000	18,130,000,000	9.80	-	-	-
	<b>18,500,000</b>	<b>185,000,000,000</b>	<b>100.00</b>	<b>18,500,000</b>	<b>185,000,000,000</b>	<b>100.00</b>

**23 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán**

	Quý III/2012 VND	Quý III/2011 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	398,611,265	654,209,319
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	-	38,000
Doanh thu hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán	550,087,821	19,449,293,832
Doanh thu từ hợp đồng mua với cam kết sẽ bán lại	-	-
Doanh thu từ dịch vụ nghiên cứu, phân tích	-	-
Doanh thu từ cố tức chứng khoán tự doanh	-	-
Doanh thu từ lãi tiền gửi và đánh giá lại ngoại tệ	-	-
Doanh thu khác	147,872,371	581,363,903
	<b>1,096,571,457</b>	<b>20,684,906,054</b>

**24 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán**

	Quý III/2012 VND	Quý III/2011 VND
Chi phí cho hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	111,621,412	184,210,001
Chi phí cho hoạt động đầu tư chứng khoán	-	536,446
Chi phí cho hoạt động REPO	-	-
Chi phí cho hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-
Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	87,424,560	-
Chi phí lãi vay	-	-
Chi phí dịch vụ phân tích	-	-
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	-	-
Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh chứng khoán	3,601,780,913	9,590,346,031
Chi phí nhân công	1,113,350,061	6,744,130,816

25

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

Khấu hao và phân bổ	293,351,871	306,344,824
Các dịch vụ thuê ngoài	1,951,540,863	1,966,641,045
Đánh giá lại ngoại tệ	26,256,251	534,119
Chi phí khác	217,281,867	572,695,227
	<b>3,800,826,885</b>	<b>9,775,092,478</b>

**25 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý III/2012 VND	Quý III/2011 VND
Chi phí nhân công	1,066,166,608	1,583,477,461
Dùng cụ văn phòng	107,502,424	43,093,178
Khấu hao và phân bổ	240,471,342	304,256,891
Chi phí thuê văn phòng	249,163,375	1,259,671,063
Các dịch vụ thuê ngoài	234,471,872	191,073,595
Dự phòng các khoản nợ ngắn hạn khó đòi	-	-
Chi phí khác	121,180,082	(93,305,762)
	<b>2,018,955,703</b>	<b>3,288,266,426</b>

**26 Thu nhập khác**

	Quý III/2012 VND	Quý III/2011 VND
Thanh lý tài sản	-	90,000,000
Thu nhập khác	-	1,130
	-	90,001,130

**27 Chi phí khác**

	Quý III/2012 VND	Quý III/2011 VND
Thanh lý phần mềm BOSC	-	117,103,530
Chi phí khác	18	1,750
	<b>18</b>	<b>117,105,280</b>

**28 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên tổng thu nhập chịu thuế hàng năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên hoạt động có lãi và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo.

26

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

(a)	Chi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Quý III/2012 VND	Quý III/2011 VND
	<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
	Chi phí thuế năm hiện hành	-	-
	Dự phòng thiếu(thừa) trong những năm trước	-	-
		-	-
	<b>Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
	Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	-
	Lợi ích của việc Giảm thuế suất chưa sử dụng (thu nhập)	-	-
	Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận chưa sử dụng (thu nhập)	-	-
	Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
		-	-
	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")</b>	-	-

(b)	Điều chỉnh giữa các khoản lãi/(lỗ) trước thuế và lãi/(lỗ) chịu thuế như sau:	Quý III/2012 VND	Quý III/2011 VND
	Lãi/(lỗ) trước thuế	(4,723,211,149)	7,594,443,000
	Điều chỉnh tăng lợi nhuận		
	Chi phí phải trả	127,537,213	211,252,521
	Ước tính chi phí không được khấu trừ thuế	-	-
	Lãi/(lỗ) chịu thuế ước tính	(4,595,673,936)	7,805,695,521
	Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	(7,805,695,521)
	Thuế được miễn giảm	-	-
	Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm phải nộp	-	-
	<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-

Do Công ty có kết quả kinh doanh lỗ nên Công ty không lập dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp cho quý III năm 2012.

Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên báo cáo tài chính kèm theo cho khoản lỗ trên vì Công ty không chắc chắn sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng khoản lỗ trên trong tương lai.

**29 Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Quý III/2012 VND	Quý III/2011 VND
Asia Investment & Finance Ltd	Đồng cổ đông	Phí môi giới chứng khoán	-	465,328

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

	Bên liên quan			
Vietnam Infrastructure Holding Ltd	đồng kiểm soát	Phí môi giới chứng khoán	33,698,758	2,849,873
Vietnam Investment Property Holding Ltd	Bên liên quan	đồng kiểm soát	8,113,506	115,961,685

Ngày 10/10/2012

Người lập:

Dương Hữu Chính  
 Phụ trách kế toán

Người duyệt:



Lê Văn Tô Nga  
 Giám đốc